

Bản án số: 37/2022/HS-ST
Ngày 26-4-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mã Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Quốc Khôi,
Bà Bế Thị Chiêu.

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Duy Phong, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà:
Ông Linh Đức Hợp, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2022/TLST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 243/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phương Văn T**, sinh ngày 01 tháng 02 năm 1962 tại K, Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm N, xã C, huyện K, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp trước khi phạm tội: Phó giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện K; trình độ văn hóa: lớp 10/10 phổ thông; dân tộc: Tày; giới tính: nam, tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phương Văn C (đã chết) và bà Nông Thị N, sinh năm 1925; có vợ là Đoàn Thị T, sinh năm 1964 và 02 con; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 21-12-2021 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng; có mặt.

2. Họ và tên: **Hoàng Văn C**, sinh ngày 05 tháng 12 năm 1978 tại K, Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm P, (xã C cũ) xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp trước khi phạm tội: kế toán Bệnh viện đa khoa huyện K; trình độ văn hoá: lớp 12/12 phổ thông; dân tộc: Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn N (đã chết) và bà Nông Thị I, sinh năm 1932; có vợ là Nông Đỗ D, sinh năm 1974 và 02 con; tiền án, tiền sự: không có; nhân thân: Ngày 17-12-2020, bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Cao Bằng xử phạt 40.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 07-8-2020 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng; có mặt.

3. Họ và tên: **Phùng Danh A**, sinh ngày 10 tháng 12 năm 1980 tại tỉnh Hải Dương.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: kinh doanh tự do; trình độ văn hoá: lớp 9/12 phổ thông; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Danh B và bà Nguyễn Thị L (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị V, sinh năm 1983 và 03 con; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 20-01-2021 đến ngày 05-02-2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Bảo lãnh, hiện đang tại ngoại ở nơi cư trú; có mặt.

- Người bào chữa cho các bị cáo:

1. Người bào chữa cho bị cáo Phương Văn T: Ông Nguyễn Thanh B, luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Thanh B - Đoàn Luật sư Hà Nội; vắng mặt (do bị cáo đã từ chối người bào chữa).

2. Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn C: Ông Võ Ngọc D, ông Nguyễn Văn M, ông Lê Minh T là luật sư của Công ty Luật TNHH T - Đoàn Luật sư Hà Nội; vắng mặt (do bị cáo đã từ chối người bào chữa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Nguyễn Văn B, sinh năm 1969, nơi cư trú: Tổ 11, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

2. Nông Đỗ D, sinh năm 1974, nơi cư trú: Xóm P, xã C, huyện K, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

3. Nguyễn Thái E, sinh năm 1968, nơi cư trú: Số nhà 29, phố H, phường G, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

4. Nguyễn Thị H, sinh năm 1976, nơi cư trú: Số nhà 019, phường C, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

5. Nguyễn Thị Lệ Q, sinh năm 1987, nơi cư trú: Khu đô thị K, phường K, quận H, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Lý Thị M, sinh năm 1969, nơi cư trú: Tổ 4, thị trấn K, huyện K, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

2. Nông Văn H, sinh năm 1967, nơi cư trú: Xóm B, xã P, huyện K, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

3. Nông Thị N, sinh năm 1980, nơi cư trú: Tổ 6, thị trấn K, huyện K, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

4. Hoàng Triệu Y, sinh năm 1986, nơi cư trú: Xóm Đ, xã L, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

5. Hoàng Thị M, sinh năm 1979, nơi cư trú: Tổ 3, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

6. Đinh Trọng M, sinh năm 1963, nơi cư trú: Tổ 5, phường Sông Bằng, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 14 tháng 6 năm 2020, Hoàng Văn C đang cùng một số người đánh bạc tại khách sạn So Oanh ở xóm B, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng thì bị tổ công tác Công an tỉnh Cao Bằng bắt quả tang. Khám xét nơi làm việc của Hoàng Văn C tại Bệnh viện đa khoa huyện K, tổ công tác thu giữ các tài liệu liên quan đến việc ghi chép thu - chi ngoài quỹ của Bệnh viện đa khoa huyện K từ năm 2015 đến năm 2020. Trong đó, có cuốn sổ “Theo dõi dự toán” bìa màu xanh ghi chép việc thu chi, các khoản này không thực hiện theo chế độ kế toán, thể hiện: Tổng thu “Hoa hồng” và các khoản khác là 1.415.084.000 đồng (trong đó: Năm 2015 là 113.855.000 đồng; năm 2016 là 335.105.000 đồng; năm 2017 là 248.744.000 đồng; năm 2018 là 419.350.000 đồng; năm 2019 là 254.430.000 đồng; đến ngày 26-4-2020 là 43.600.000 đồng). Tổng chi là 384.477.000 đồng (trong đó: Năm 2015 là 41.803.000 đồng; năm 2016 là 80.415.000 đồng; năm 2017 là 57.046.000 đồng; năm 2018 là 87.913.000 đồng; năm 2019 là 112.300.000 đồng; đến ngày 26-4-2020 là 5.000.000 đồng). Hoàng Văn C khai số tiền hoa hồng này do các đơn vị, cá nhân đưa lại sau khi các hợp đồng mua sắm, sửa chữa trang thiết bị y tế với Bệnh viện đa khoa huyện K đã được thanh toán, các khoản tiền này chỉ có T và C biết, C được T giao quản lý, theo dõi. Trong đó, có một số khoản tiền được chuyển lại vào tài khoản cá nhân của C, cụ thể như: Ngày 11-9-2015, số tiền chuyển vào tài khoản là 81.300.000 đồng (cuốn sổ ghi “Hoa hồng mua thiết bị y tế tổng 81.300.000 đồng”); Ngày 07-10-2015, số tiền chuyển vào tài khoản là 17.000.000 đồng (sổ ghi “Hoa hồng in ấn H - TH”); Ngày 26-12-2016, số tiền chuyển vào tài khoản là 81.500.000 đồng; ngày 27-12-2016 số tiền chuyển vào tài khoản 76.000.000 đồng (sổ ghi “Hoa hồng mua thiết bị y tế tổng hai gói 158.000.000 đồng”); ngày 28-11-2018, số tiền chuyển vào tài khoản 40.000.000 đồng (sổ ghi “Hoa hồng in ấn phô tô tài liệu H TH số tiền 40.000.000 đồng”); Ngày 04-6-2020, Phùng Danh A chuyển vào tài khoản số tiền 36.400.000 đồng (sổ ghi “Hoa hồng bột thông cống tổng 48.500.000 đồng, mua nước lau sàn 9.000.000 đồng, bột thông cống 02 thùng 4.000.000 đồng, còn 31.950.000 đồng”). Như vậy, số tiền chênh lệch trong sổ “Theo dõi dự toán” thu chi hoa hồng do C ghi với tổng số tiền 1.030.607.000 đồng. Đối với các khoản tiền mua hàng hóa, dịch vụ đơn vị đã quyết toán hàng năm đều được lấy từ nguồn ngân sách cấp hoặc quản lý theo chế độ ngân sách Nhà nước, các khoản tiền thu chi hoa hồng có được từ việc ghi khống khi mua hàng hóa cho đơn vị được đưa trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển lại vào tài khoản cá nhân của C không đưa vào quỹ của đơn vị mà để ngoài sổ sách kế toán của Bệnh viện đa khoa huyện K và được C ghi theo dõi trong cuốn sổ nêu trên.

Mở rộng điều tra vụ án xác định được như sau: Năm 2015, Phùng Danh A đến Cao Bằng tiếp thị bán hàng thì quen biết Hoàng Văn C, sau khi trao đổi, C lập các hợp đồng kinh tế mua bột thông cống, tinh dầu xả, thuốc phun muỗi, diệt mối với A, A lập Phiếu báo giá chào hàng cạnh tranh của Cửa hàng Phùng Danh A, có Mã số thuế (MST): 0800269521; Đỗ Văn T có MST: 0800244453, trú tại Hải Dương và Nguyễn Thị H có MST: 0800939198, trú tại Hải Dương, sau đó A ký mạo danh Đỗ Văn T, Nguyễn Thị H, còn Hoàng Văn C ký mạo danh tên người mua hàng ở liên 1 và liên 3 (của các cá nhân Nông Văn H, Nông Thị N, Lý Văn Đ, Triệu Thị B), đối với liên 2 C yêu cầu A ghi tên các cán bộ của Bệnh viện đa khoa huyện K ở vị trí người mua hàng, khi A xuất hóa đơn C tự ghi ngày, tháng mang về cho người có tên ở liên 2 ký, A không biết C kê không thêm hàng hóa để nhằm mục đích gì, mục đích của A ghi không thêm cho C chỉ để bán được hàng hóa và có khách hàng thường xuyên. Khi Bệnh viện đa khoa huyện K chuyển tiền thanh toán, A trừ giá trị hàng thực tế đã bán và 5% tiền mua hóa đơn phần ghi không. Từ năm 2015 đến tháng 6-2020, A đã xuất bán 16 hóa đơn cho Bệnh viện đa khoa huyện K với tổng giá trị hàng hóa là 414.300.000 đồng, các hóa đơn này được thanh toán qua hệ thống Ngân hàng hoặc Kho bạc Nhà nước, cuốn sổ ghi chép của C thể hiện số tiền ghi không khi mua hàng với A là 228.750.000 đồng. Ngoài ra, ngày 01-4-2020, Phùng Danh A còn chuyển khoản cho Hoàng Văn C với nội dung: Loại tiền gửi “Thanh toán cá nhân”; Số tài khoản 8306205020126, số tiền 10.000.000 đồng cho việc ghi không hóa đơn số 0049778 ngày 24-3-2020, nhưng Hoàng Văn C chưa kịp ghi vào sổ “Theo dõi dự toán”, khoản tiền này là từ nguồn phòng chống dịch bệnh của Bệnh viện đa khoa huyện K, A khai nhận phần tiền hàng ghi không chủ yếu được đưa lại cho C bằng tiền mặt sau khi A rút tiền tại Ngân hàng thành phố C và Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Q1 (nay là huyện Q), còn chuyển khoản cho C có 02 khoản ghi “Em A trả tiền vay” nhưng là tiền hoa hồng bán hàng, thực tế giữa A với C không có việc vay mượn tiền, thời điểm A đưa tiền hoặc chuyển khoản cho C đều trùng với thời điểm C mua hàng với A và thanh toán tiền mua hàng. Cơ quan điều tra đã Quyết định trưng cầu giám định mẫu chữ số, chữ viết tại liên 2 (hóa đơn bán hàng) với người viết mẫu chữ số, chữ viết của Hoàng Văn C. Tại Kết luận giám định số: 28/GĐTL và số: 29/GĐTL ghi cùng ngày 28-01-2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng kết luận: *“Chữ số trong mục Ngày 06 tháng 11 năm 2018 ghi trên Hóa đơn bán hàng Liên 2 số 0089173 cần giám định với chữ số trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một người viết ra”*; *“Chữ viết, chữ ký trên mẫu cần giám định với các chữ viết trên mẫu so sánh là chữ viết do cùng một người viết ra”*; Kết luận giám định số: 03/GĐKTHS ngày 25-12-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng kết luận: *“Chữ ký và chữ viết đứng tên “Nông Văn H” dưới mục “Người mua hàng” trên tài liệu nội dung “HÓA ĐƠN BÁN HÀNG”; liên 1: Lưu; Số 0078385; Ngày 15 tháng 4 năm 2015” cần giám định với chữ ký và chữ viết trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký, viết ra”*.

Đối với hành vi mua bán hóa đơn của Phùng Danh A cho Trường trung học phổ thông V, thành phố C như sau: Khi tiếp thị bán hàng ở tỉnh Cao Bằng, A được Hoàng Thị Hải M, sinh năm 1979, trú tại tổ 3, phường G, thành phố C là

kế toán Trường trung học phổ thông V trao đổi mua bán sản phẩm vệ sinh môi trường cho nhà trường, M có đề nghị ghi không thêm hàng hóa vào hóa đơn, A đồng ý nhưng không biết phần ghi không thêm M dùng vào việc gì, nên từ năm 2016 đến năm 2019 A đã xuất bán 14 hóa đơn cho M với số tiền ghi trên hóa đơn là 264.500.000 đồng, sau khi M chuyển khoản thanh toán, A trừ % hóa đơn và hưởng lợi 5% phần hàng ghi không và chuyển lại tiền vào tài khoản cá nhân của M mở tại AGRIBANK chi nhánh tỉnh Cao Bằng, sau đó M rút tiền về đưa cho thủ quỹ của nhà trường để chi cho công tác bảo vệ, vệ sinh môi trường và mua sắm khác theo sự chỉ đạo của Hiệu trưởng nhà trường là Đinh Trọng M, sinh năm 1963, trú tại tổ 5, phường G thành phố C. Kết quả điều tra xác định được từ tháng 5-2016 đến tháng 4-2019, A đã chuyển lại số tiền ghi không cho M 08 lần qua hệ thống Ngân hàng là 215.900.000 đồng, số tiền này M, M đã dùng để chi tiêu chung cho công việc của nhà trường, không có khoản tiền nào tư lợi cá nhân.

Đối với 02 gói bảo dưỡng thiết bị y tế năm 2017 và năm 2018 tại Bệnh viện đa khoa huyện K có tổng giá trị 156.000.000 đồng, nhà thầu là Cửa hàng thiết bị y tế Hoàng Triệu Y, có MST: 4800273268 ở thị trấn Q1, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Khi xác minh tại các Khoa của Bệnh viện đa khoa huyện K thì các cán bộ liên quan đến quản lý, sử dụng máy, thiết bị đều xác nhận một số máy chưa được bảo dưỡng, một số máy chưa được sử dụng bao giờ do không có cán bộ đủ năng lực chuyên môn và chứng chỉ hành nghề, nhưng các cán bộ được ký tên vào giấy tờ như Kế hoạch bảo dưỡng, biên bản lựa chọn nhà thầu..., các thủ tục, giấy tờ được Hoàng Văn C đưa cho để ký, thực tế các cán bộ này không được thực hiện các hoạt động của gói thầu bảo dưỡng thiết bị y tế. Tại cuốn sổ do C tự ghi có ghi thu lợi từ 02 gói thầu bảo dưỡng thiết bị y tế là 121.500.000 đồng, kiểm tra tài khoản của Hoàng Triệu Y thấy cứ mỗi lần Bệnh viện đa khoa huyện K chuyển tiền thì sau 03 ngày Y rút mỗi lần 70.000.000 đồng, Y khai nhận gói bảo dưỡng thiết bị y tế năm 2017 Y được thực hiện bảo dưỡng đối với 03 máy (máy hút dịch, tủ sấy tiệt trùng, máy điện tim) và được Bệnh viện đa khoa huyện K trả công 5.000.000 đồng nhưng C yêu cầu Y ghi là 72.000.000 đồng, khi Bệnh viện đa khoa huyện K chuyển tiền ngày 19-12-2017 thì ngày 22-12-2017 Y rút 70.000.000 đồng và đưa lại cho C 60.000.000 đồng. Gói bảo dưỡng thiết bị y tế năm 2018, Y cũng được thực hiện bảo dưỡng một số máy nhưng không nhớ cụ thể, sau đó C cũng yêu cầu Y ghi số tiền lên 84.100.000 đồng, khi Bệnh viện đa khoa huyện K chuyển tiền, ngày 19-11-2018 Y rút 70.000.000 đồng và đưa lại cho C khoảng 60.000.000 đồng. Đối với 02 gói bảo dưỡng thiết bị y tế này Y đã xuất bán 03 hóa đơn cho Hoàng Văn C để làm chứng từ quyết toán, cụ thể: Hóa đơn số 0014781 ngày 07-12-2017, số tiền 54.200.000 đồng; Hóa đơn số 0014782 ngày 07-12-2017, số tiền 17.800.000 đồng; Hóa đơn số 0044220 ngày 08-11-2018, số tiền 84.100.000 đồng, Y không biết số tiền kê không này C dùng vào việc gì.

Đối với Phương Văn T là Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện K từ tháng 11-2011 đến tháng 3-2019, là người đứng đầu đơn vị chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của Bệnh viện đa khoa huyện K trước ngành dọc cấp trên và trước

cấp ủy, chính quyền địa phương thừa nhận: Việc mua sắm trang thiết bị y tế của Bệnh viện đa khoa huyện K được giao cho Hoàng Văn C thực hiện là không đúng quy định, về chuyên môn C được giao nhiệm vụ thực hiện theo dõi hoạt động thu chi tài chính của đơn vị theo quy định của Luật kế toán và Luật ngân sách Nhà nước. Khi C hoàn chỉnh các bộ hồ sơ, chứng từ liên quan đến việc sửa chữa, mua sắm trang thiết bị y tế để trình ký, do không có chuyên môn về lĩnh vực tài chính - kế toán và thủ tục bảo dưỡng, mua sắm trang thiết bị y tế nên T chỉ đọc qua và ký hoàn chỉnh. Về 02 gói thầu của Hoàng Triệu Y cùng C lập không hóa đơn, T không giải trình được và cho rằng bản thân có sai sót do không xem kỹ khi ký các giấy tờ có liên quan, kể cả 12 hóa đơn kèm hợp đồng của Phùng Danh A và 03 hóa đơn kèm hợp đồng của Hoàng Triệu Y cũng đều do C đưa để ký nhiều lần, bản thân T không nhớ. Khám xét nơi làm việc của T, Cơ quan điều tra thu được 01 cuốn sổ màu đỏ bên trong có 06 tờ liên đã bị xé rách, phần còn lại của tờ 01 bị xé rách có ghi 720.000, dòng dưới ghi 800.000, cuốn sổ ghi nội dung “thu các khoản mua sắm”, “Hoa hồng bảo dưỡng máy xq...” cùng 03 tờ giấy ghi tiêu đề “Thu quỹ hoạt động BGĐ năm 2013, 01 tờ ghi “Chi quỹ hoạt động BGĐ năm 2013”. Nội dung ghi giống cuốn sổ ghi chép và các tờ giấy ghi các khoản thu chi hoa hồng của Hoàng Văn C cũng như dữ liệu đã khai thác trong máy tính của C, còn 01 tờ giấy A4 thu trong phòng làm việc có chữ viết của C, phù hợp với lời khai của C là số tiền thu chi hoa hồng đều được C báo cáo T, sau đó mới chia nhau vào dịp tết Nguyên Đán hàng năm. Đối với 12 hóa đơn cùng hợp đồng mua hàng với Phùng Danh A có tổng giá trị hàng hóa 256.050.000 đồng được T phê duyệt, xác định được số tiền ghi không là 170.400.000 đồng (còn 04 hóa đơn với số tiền ghi không 68.350.000 đồng của A và C lập do Nguyễn Văn B, Giám đốc bệnh viện từ tháng 4-2019 ký nhưng C chưa kịp báo cáo cho B biết phần ghi không thì đã bị bắt). Như vậy, số tiền ghi không hàng hóa của Phùng Danh A đã rút và chuyển lại cho Hoàng Văn C là 238.750.000 đồng. Khi tiến hành điều tra vụ án, ngày 26-4-2021, Phùng Danh A tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả số tiền 15.000.000 đồng vào tài khoản tạm giữ của Công an tỉnh Cao Bằng mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Cao Bằng. Ngày 30-8-2021 và ngày 12-01-2022 gia đình Phương Văn T đã tự nguyện nộp số tiền 410.104.000 đồng để khắc phục hậu quả tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng.

Đối với gói thầu mua sắm Giường kéo giãn cột sống và đốt sống cổ của nhà thầu Trung tâm thương mại tổng hợp TA do Nguyễn Thị H làm giám đốc, có MST: 4800789951 trị giá 405.500.000 đồng. Sau khi mở rộng điều tra, các cán bộ Bệnh viện đa khoa huyện K là Lý Thị Minh H, Nông Văn H, Nông Thị N ký tên trên các giấy tờ đều khai nhận hồ sơ mua sắm gói thầu do Hoàng Văn C đưa cho để ký, đơn vị không tổ chức hoạt động chấm thầu, đấu thầu. Xác minh đơn vị cung cấp hàng của gói thầu thì Nguyễn Thị H chỉ xuất trình được 02 hóa đơn chứng minh nguồn gốc của 02/05 thiết bị y tế nhập khẩu (máy xông mũi họng mua lại từ Công ty thiết bị công nghệ cao TM, MST: 0101445478; Giường kéo giãn cột sống và đốt sống cổ mua lại từ Cửa hàng thiết bị y tế DQ, MST: 8104031487, theo Hóa đơn giá trị gia tăng số: 0000218 ngày 18-6-2015 của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thiết bị và hóa chất Hà Nội giá trị 97.200.000

đồng. Theo Hóa đơn xuất hàng số 0031868 ngày 18-8-2015 của Thiết bị y tế DQ - Nguyễn Thị T Thành phố Hà Nội có giá trị 120.000.000 đồng, nhưng Tờ trình và các văn bản liên quan của Bệnh viện đa khoa huyện K được phê duyệt là 250.000.000 đồng. Cho đến nay chưa thu thập để xác định được nguồn gốc, xuất xứ của 03 thiết bị như: Máy xét nghiệm sinh hóa; Đèn trị liệu vàng da; Máy tạo ô xy di động. Cơ quan điều tra đã Quyết định trưng cầu giám định thiết bị Giường kéo giãn cột sống và đốt sống cổ, Kết luận số: 2642/KL-HĐĐGTS ngày 31-12-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Cao Bằng xác định: “Bộ giường kéo giãn cột sống và đốt sống cổ thời điểm định giá tháng 7-2015 có giá là 118.984.000 đồng”. Như vậy, việc mua sắm Bộ giường kéo giãn cột sống và đốt sống cổ, Bệnh viện đa khoa huyện K đã gây thất thoát cho ngân sách Nhà nước số tiền 131.016.000 đồng. Đối với các trang thiết bị y tế còn lại, do chưa thu thập được Giấy chứng nhận chất lượng và nguồn gốc xuất xứ (CO, CQ) để truy xuất giá nhập khẩu, nên Cơ quan điều tra chưa có căn cứ để trưng cầu định giá tài sản theo quy định của pháp luật.

Về dự án Lò đốt rác thải y tế năm 2017, theo quy định thì được tổ chức đấu thầu rộng rãi. Dự án có hai nguồn vốn đầu tư, như nguồn thu kết dư từ quỹ định xuất bảo hiểm y tế năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng, giá trị gói thầu được phê duyệt là: 1.250.000.000 đồng, giá trúng thầu 1.248.000.000 đồng, đơn vị trúng thầu của Công ty TNHH và dịch vụ TH, khi thực hiện có sử dụng thêm nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Bệnh viện đa khoa huyện K với số tiền 480.000.000 đồng, dự án được Sở Tài chính và Sở Y tế tỉnh Cao Bằng thẩm định. Khi tiến hành điều tra, xác minh nguồn gốc đã xác định được Lò đốt rác thải y tế sản xuất tại Công ty Cổ phần năng lượng và môi trường bách khoa Hà Nội, giá bán sản phẩm là 820.000.000 đồng (đã bao gồm chi phí bảo hành, quan trắc khí thải, hướng dẫn vận hành, vận chuyển, lắp đặt...) cho Công ty TH. Khi làm việc với cơ quan điều tra, các cán bộ của Bệnh viện đa khoa huyện K là Lý Thị Minh H, Nông Văn H, Nông Thị N đều khai nhận do năng lực chuyên môn về đấu thầu kém nên những cán bộ này không biết để thực hiện theo quy định, toàn bộ hồ sơ đều do Hoàng Văn C đưa cho ký để hoàn chỉnh về mặt thủ tục. Theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng tỉnh Cao Bằng số: 2488/KL-HĐĐGTS ngày 23-12-2020 xác định: “01 bộ lò đốt rác thải y tế VITE-50 do Công ty Cổ phần năng lượng và môi trường Bách khoa Hà Nội sản xuất, thời điểm định giá tháng 7-2017 trị giá 968.912.000 đồng”. Như vậy, gói thầu mua sắm này đã gây thất thoát cho ngân sách Nhà nước số tiền 279.088.000 đồng. Do đó, có đủ căn cứ xác định hành vi thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng trong 02 dự án nêu trên của Phương Văn T đã gây thất thoát cho ngân sách Nhà nước là 410.104.000 đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo Phương Văn T, Hoàng Văn C, Phùng Danh A đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nông Đỗ D đề nghị Hội đồng xét xử hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản đối với chiếc xe ô tô và giao cho bà quản lý, sử dụng.

Ngày 14-02-2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ra Cáo trạng số: 12/CTr-VKSCB-P1 truy tố Phương Văn T về tội “*Tham ô tài sản*” theo điểm c và điểm d khoản 2 Điều 353 và tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 360 của Bộ luật Hình sự; Truy tố Hoàng Văn C về tội “*Tham ô tài sản*” theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự; Truy tố Phùng Danh A về tội “*Mua bán trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách Nhà nước*” theo quy định tại điểm d và điểm e khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên toà trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo khẳng định quyết định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Phương Văn T về tội “*Tham ô tài sản*” theo quy định tại điểm c, điểm d khoản 2 Điều 353 và tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 360 của Bộ luật Hình sự; Hoàng Văn C về tội “*Tham ô tài sản*” theo quy định tại điểm c, điểm d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự; Phùng Danh A về tội “*Mua bán trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách Nhà nước*” theo quy định tại điểm d, điểm e khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Phương Văn T, Hoàng Văn C, Phùng Danh A về tội danh, điều luật đã viện dẫn nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Bị cáo Phương Văn T phạm tội “*Tham ô tài sản*” và tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”; Bị cáo Hoàng Văn C phạm tội “*Tham ô tài sản*”; Bị cáo Phùng Danh A phạm tội “*Mua bán trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách Nhà nước*”.

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm d khoản 1 Điều 360; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phương Văn T từ 04 năm tù đến 04 năm 06 tháng tù về tội “*Tham ô tài sản*”; 06 tháng tù về tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”. Tổng hợp hình phạt cả 02 tội từ 04 năm 06 tháng tù đến 05 năm tù.

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn C từ 05 năm tù đến 05 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm d, e khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phùng Danh A từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, cấm bị cáo hành nghề từ 01 năm đến 03 năm.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền do phạm tội mà có, trong đó: Xác nhận bị cáo Phương Văn T đã nộp lại số tiền 560.104.000 đồng; gia đình bị cáo Hoàng Văn C đã nộp số tiền 180.000.000 đồng, bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với các hóa đơn do Nguyễn Văn B ký duyệt mà bị cáo chưa báo cáo với B; Buộc bị cáo Phùng Danh A phải nộp lại số tiền 44.465.000 đồng, xác nhận bị cáo đã nộp 15.000.000 đồng, số tiền còn phải nộp là 29.465.000 đồng.

Đề nghị áp dụng Điều 130 của Bộ luật Tố tụng hình sự hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản đối với chiếc xe ô tô Honda City màu sơn đen do bà Nông Đỗ D đang quản lý, sử dụng; trả lại cho Hoàng Văn C 01 (một) thùng niêm phong mặt trước ghi: Máy tính xách tay của Hoàng Văn C nhưng cần tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi 03 hộp dấu của Phùng Danh A.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Phương Văn T, Hoàng Văn C, Phùng Danh A không có lời bào chữa, không có ý kiến tranh luận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nông Đỗ D trình bày ý kiến: Về công việc cơ quan, chồng tôi là người rất tận tâm, trong hơn 20 năm công tác năm nào cũng được tặng giấy khen, có thể đã phạm tội nhưng không biết xin Tòa xem xét cho chồng tôi được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

Trong lời nói sau cùng,

Bị cáo Phương Văn T trình bày: Do bị cáo chuyên môn chưa cao, một phần cũng tin tưởng cấp dưới nên mới phạm tội, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức thấp nhất, cho bị cáo sớm được trở về với gia đình.

Bị cáo Hoàng Văn C trình bày: Vì việc chung nên bị cáo mới phạm tội, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ tội để bị cáo sớm được trở về với gia đình.

Bị cáo Phùng Danh A trình bày: Do hiểu biết pháp luật có hạn nên bị cáo mới phạm tội, bị cáo mong nhận được sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Phương Văn T, Hoàng Văn C, Phùng Danh A và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo Phương Văn T, Hoàng Văn C, Phùng Danh A hoàn toàn phù hợp với bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, biên bản hỏi cung có sự tham gia của người bào chữa về quá trình thực hiện hành vi phạm tội; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu giữ được khi khám xét nơi làm việc, khám xét chỗ ở của các bị cáo; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ kết luận: Năm 2017 và năm 2018, Bệnh viện đa khoa huyện K, tỉnh Cao Bằng thực hiện 02 gói thầu sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị y tế với Cửa hàng thiết bị y tế

Hoàng Triệu Y, Y đã xuất 03 hóa đơn ghi số tiền 156.000.000 đồng, trong đó số tiền ghi không là 121.500.000 đồng. Từ năm 2016 đến tháng 6-2020, Phùng Danh A xuất bán 16 hóa đơn cho Bệnh viện đa khoa huyện K với tổng số tiền là 414.300.000 đồng (12 hóa đơn do Phương Văn T ký duyệt; 04 hóa đơn do Nguyễn Văn B ký duyệt), các hóa đơn này đều ghi không thêm tiền hàng hóa với số tiền ghi không là 238.750.000 đồng (phần của Phương Văn T ký duyệt liên quan đến Hoàng Văn C là 170.400.000 đồng); Đối với 14 hóa đơn A bán cho Trường trung học phổ thông V, thành phố C, tỉnh Cao Bằng có số tiền là 264.500.000 đồng, trong đó số tiền ghi không là 215.000.000 đồng, sau khi được thanh toán A đã chuyển vào tài khoản cá nhân của Hoàng Thị Hải M và khoản tiền này được sử dụng vào công việc chung của nhà trường, nên Phùng Danh A phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mua bán trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách Nhà nước với tổng số tiền là 454.650.000 đồng. Hoàng Văn C có hành vi tham ô tài sản trong 02 gói sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị y tế với Hoàng Triệu Y có số tiền ghi không là 121.500.000 đồng và 16 hóa đơn mua hàng với A có tổng số tiền ghi không là 238.750.000 đồng, C phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng số tiền ghi không để chiếm đoạt là 360.250.000 đồng. Phương Văn T là người ký duyệt 03 hóa đơn sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị y tế với Hoàng Triệu Y có số tiền ghi không là 121.500.000 đồng; 12 hóa đơn mua hàng với Phùng Danh A có số tiền ghi không là 170.400.000 đồng, T phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi tham ô tài sản với tổng số tiền là 291.900.000 đồng; Đối với gói thầu Giường kéo giãn cột sống và đốt sống cổ do hành vi thiếu trách nhiệm trong công tác quản lý, tổ chức thực hiện, quyết toán nên Phương Văn T đã gây thất thoát cho ngân sách Nhà nước số tiền 131.016.000 đồng, gói thầu mua Lò đốt rác thải y tế gây thất thoát số tiền là 279.088.000 đồng. Do đó, hành vi thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng của Phương Văn T đã gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước với tổng số tiền 410.104.000 đồng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo Phương Văn T, Hoàng Văn C, Phùng Danh A đã xâm phạm đến uy tín và tính đúng đắn, liêm chính trong công tác quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước mà mình có trách nhiệm quản lý, thực hiện không đúng, không đầy đủ trách nhiệm được giao gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình gây nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn cố tình thực hiện tội phạm với lỗi cố ý, mục đích, động cơ phạm tội tham ô tài sản là nhằm chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý. Hành vi tham ô tài sản nhiều lần, với số tiền phải chịu trách nhiệm hình sự của C là 360.250.000 đồng, của T là 291.900.000 đồng đã phạm vào tội “Tham ô tài sản” thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên”; “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng” quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự; Hành vi thiếu trách nhiệm gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 410.104.000 đồng của Phương Văn T đã phạm vào tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” thuộc trường hợp “Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 360 của Bộ luật Hình sự; Hành vi mua bán trái phép 30 hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung, có số tiền ghi tăng thêm so với giá trị hàng

hóa thực tế đã mua trên các hóa đơn là 454.650.000 đồng của Phùng Danh A đã phạm vào tội “Mua bán trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách Nhà nước” thuộc trường hợp “Hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 30 số trở lên”; “Gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước 100.000.000 đồng trở lên” quy định tại điểm d và điểm e khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố Phương Văn T về tội “*Tham ô tài sản*” theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 353 và tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” theo điểm d khoản 1 Điều 360 của Bộ luật Hình sự; truy tố Hoàng Văn C về tội “*Tham ô tài sản*” theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự; truy tố Phùng Danh A về tội “*Mua bán trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách Nhà nước*” theo quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trước khi phạm tội các bị cáo Phương Văn T, Hoàng Văn C, Phùng Danh A đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Phương Văn T, Hoàng văn C, Phùng Danh A không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Phương Văn T, Hoàng Văn C, Phùng Danh A đều được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ là “Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả”; “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Phương Văn T có bố Phương Văn P được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhì; Huân chương Quyết thắng hạng Ba được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, giảm hình phạt cho các bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị đối với Phương Văn T, Phùng Danh A phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo, có căn cứ pháp luật cần chấp nhận. Mức hình phạt đề nghị đối với Hoàng Văn C có phần nghiêm khắc so với hình phạt của Phương Văn T, do bị cáo T là người lãnh đạo, quản lý, phải chịu trách nhiệm chính trong việc quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của đơn vị nên Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt của bị cáo C tương đương với mức hình phạt của bị cáo T.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Đối với tội *Tham ô tài sản*: Khoản 5 Điều 353 của Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Khi vụ án được khởi tố, điều tra, các bị cáo Phương Văn T, Hoàng Văn C không còn giữ chức vụ gì, số tiền tham ô không lớn, thiệt hại đã được khắc phục nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo .

Đối với tội *Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*: Khoản 4 Điều 360 của Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức*

vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”. Khi chấp hành xong hình phạt, bị cáo T đã hết tuổi lao động nên việc áp dụng hình phạt bổ sung là không cần thiết.

Đối với tội Mua bán trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách Nhà nước: Khoản 3 Điều 203 của Bộ luật Hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”. Hội đồng xét xử đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo A nên không tiếp tục áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, các hình phạt bổ sung khác không cần thiết phải áp dụng đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị cáo Phương Văn T, Hoàng Văn C, Phùng Danh A phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại được xác định do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra, cụ thể:

Đối với hành vi tham ô tài sản của Phương Văn T, Hoàng Văn C: Số tiền ghi khống trong các hợp đồng sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị y tế là 121.500.000 đồng; số tiền ghi khống trên 16 hóa đơn mua với Phùng Danh A là 238.750.000 đồng (trong đó, 12 hóa đơn do Phương Văn T ký duyệt có tổng số tiền ghi khống là 170.400.000 đồng). Như vậy, Phương Văn T và Hoàng Văn C có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại đối với tổng số tiền ghi khống trong việc sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị y tế và số tiền ghi khống đối với 12 hóa đơn mua với Phùng Danh A do T ký duyệt là 291.900.000 đồng (121.500.000 đồng + 170.400.000 đồng), trong tổng số tiền phải bồi thường này mỗi bị cáo phải chịu $\frac{1}{2}$ số tiền đã gây thiệt hại là: $291.900.000 \text{ đồng} : 2 = 145.950.000 \text{ đồng}$. Ngoài ra, Hoàng Văn C còn phải bồi thường thêm phần thiệt hại đối với 04 hóa đơn mua với Phùng Danh A có số tiền ghi khống là 68.350.000 đồng (238.750.000 đồng - 170.400.000 đồng phần T ký duyệt) do Nguyễn Văn B ký duyệt nhưng C chưa kịp báo cáo cho B biết phần ghi khống đã bị bắt. Như vậy, trong hành vi tham ô tài sản, Phương Văn T phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 145.950.000 đồng; Hoàng Văn C phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 214.300.000 đồng (145.950.000 đồng + 68.350.000 đồng).

Đối với hành vi thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng của Phương Văn T: Trong 02 dự án mua Giường kéo giãn cột sống và đốt sống cổ, Lò đốt rác thải y tế gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước tổng số tiền là 410.104.000 đồng, số tiền này Phương Văn T phải có trách nhiệm bồi thường.

Đối với hành vi mua bán trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách Nhà nước của Phùng Danh A: A bán cho Bệnh viện đa khoa huyện K 16 hóa đơn có số tiền ghi khống là 238.750.000 đồng (phần ghi tăng thêm so với giá trị hàng hóa đã mua thực tế); bán cho Trường trung học phổ thông V 14 hóa đơn có số tiền ghi khống là 215.900.000 đồng. Tổng số tiền ghi khống trên 30 hóa đơn là 454.650.000 đồng, A thu 5% giá trị hàng hóa ghi khống trước khi chuyển trả lại tiền cho C và M với tổng số tiền là 22.732.000 đồng (454.650.000 đồng x 5%).

Như vậy, Phùng Danh A phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với số tiền đã được hưởng lợi từ việc mua bán hóa đơn gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước là 22.732.500 đồng.

Xác nhận bị cáo Phương Văn T đã nộp 560.104.000 đồng; Hoàng Văn C đã nộp 180.000.000 đồng; Phùng Danh A đã nộp 15.000.000 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) chiếc máy tính xách tay tạm giữ của Hoàng Văn C thì trả lại cho Hoàng Văn C; 03 (ba) con dấu của Phùng Danh A thì trả lại cho Phùng Danh A.

Số tiền 15.000.000 đồng do Phùng Danh A nộp để khắc phục hậu quả thì tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Đối với Lệnh kê biên tài sản là 01 (một) chiếc xe ô tô nhãn hiệu HONDA CITY, do C chưa nộp đủ số tiền bồi thường, khắc phục hậu quả nên tiếp tục kê biên, khi nào C nộp đủ tiền bồi thường thì Lệnh kê biên tài sản sẽ hết hiệu lực mà Tòa án không cần ra quyết định hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản.

[7] Về án phí:

Các bị cáo Phương Văn T, Hoàng Văn C, Phùng Danh A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Hoàng Văn C, Phùng Danh A phải chịu thêm án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[8] Về các vấn đề khác:

Đối với những người có liên quan trong vụ án này như Hoàng Triệu Y bán 03 hóa đơn cho Bệnh viện đa khoa huyện K, tỉnh Cao Bằng; Đinh Trọng M, Hoàng Thị Hải M là Hiệu trưởng và kế toán của Trường trung học phổ thông V, thành phố C, tỉnh Cao Bằng mua 14 hóa đơn với Phùng Danh A; Nguyễn Văn B, nguyên Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện K, tỉnh Cao Bằng ký duyệt 04 hóa đơn mua với Phùng Danh A đã được khởi tố, điều tra và xét xử trong vụ án khác.

Đối với Lý Thị Minh H, Nông Văn H, Nông Thị N là những người đã được ký tên trên các hóa đơn, chứng từ kê khống và hồ sơ đầu thầu thiết bị y tế, các cán bộ này chỉ được Hoàng Văn C đưa các giấy tờ cho ký để hoàn chỉnh thủ tục hồ sơ, trước khi ký có kiểm tra và xác định chọn đúng nhà thầu có mức giá cạnh tranh nhất, họ không được hưởng lợi ích gì từ hành vi tham ô tài sản, thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng nên không có căn cứ để xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

+ Bị cáo **Phương Văn T** phạm tội “*Tham ô tài sản*” và tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”.

+ Bị cáo **Hoàng Văn C** phạm tội “*Tham ô tài sản*”.

+ Bị cáo **Phùng Danh A** phạm tội “*Mua bán hóa đơn thu nộp ngân sách Nhà nước*”.

Căn cứ vào điểm c, điểm d khoản 2 Điều 353; điểm d khoản 1 Điều 360; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Phương Văn T** 04 (bốn) năm tù về tội “*Tham ô tài sản*”; 06 (sáu) tháng tù về tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”. Tổng hợp hình phạt cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giam là ngày 21-12-2021.

Căn cứ vào điểm c, điểm d khoản 2 Điều 353; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Hoàng Văn C** 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giam là ngày 07-8-2020.

Căn cứ vào điểm d, điểm e khoản 2 Điều 203; Điều 35; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Phùng Danh A** 300.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584; 585; 586 và 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Phương Văn T và Hoàng Văn C phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền ghi khống hóa đơn trong các hợp đồng sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị y tế và mua hàng hóa với số tiền là **291.900.000** đồng, trong đó:

+ Phương Văn T phải chịu **145.950.000** đồng,

+ Hoàng Văn C phải chịu **145.950.000** đồng.

Ngoài số tiền phải bồi thường nêu trên, bị cáo Hoàng Văn C còn phải có trách nhiệm bồi thường đối với 04 hóa đơn có số tiền ghi khống là 68.350.000 đồng do Nguyễn Văn B ký duyệt. Tổng số tiền Hoàng Văn C phải bồi thường trong hành vi tham ô tài sản là **214.300.000** đồng (145.950.000 đồng + 68.350.000 đồng).

Ngoài số tiền phải bồi thường trong hành vi tham ô tài sản, bị cáo Phương Văn T còn phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với gói thầu mua sắm Giường kéo giãn cột sống và đốt sống cổ, Lò đốt rác thải y tế là **410.104.000** đồng. Tổng cộng Phương Văn T phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ngân sách Nhà nước là: **556.054.000** đồng (145.950.000 đồng + 410.104.000 đồng).

Bị cáo Phùng Danh A phải bồi thường thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền hưởng lợi bất chính từ việc mua bán trái phép 30 hóa đơn cho Bệnh viện đa khoa huyện K, tỉnh Cao Bằng và Trường trung học phổ thông V, thành phố C, tỉnh Cao Bằng với số tiền là **22.732.500** đồng.

Xác nhận bị cáo Phương Văn T đã nộp tiền bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả số tiền **560.104.000** đồng tại Biên lai thu tiền số: 000228 ngày 30-

8-2021, số tiền **210.104.000** đồng; Biên lai thu tiền số: 0000413 ngày 12-01-2022, số tiền **200.000.000** đồng; Biên lai thu tiền số: 0000551 ngày 15-3-2022, số tiền **150.000.000** đồng. Phương Văn T đã nộp đủ tiền bồi thường thiệt hại.

Bị cáo Hoàng Văn C đã nộp tiền bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả số tiền **180.000.000** đồng tại Biên lai thu tiền số: 0000552 ngày 16-3-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng, Hoàng Văn C còn phải tiếp tục nộp số tiền 34.300.000 đồng nữa.

Bị cáo Phùng Danh A đã nộp **15.000.000 đồng** vào tài khoản tạm gửi của Công an tỉnh Cao Bằng tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Cao Bằng ngày 26-4-2021, Phùng Danh A còn phải tiếp tục nộp số tiền 7.732.500 đồng nữa.

3. Việc xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho Hoàng Văn C 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi: “Máy tính xách tay của Hoàng Văn C giao nộp”.

Trả lại cho Phùng Danh A 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi: “03 (ba) con dấu của Phùng Danh A.

Tạm giữ số tiền 15.000.000 đồng do Phùng Danh A nộp để bảo đảm thi hành án.

Tiếp tục kê biên tài sản là 01 (một) xe ô tô con, nhãn hiệu HONDA CITY, màu sơn đen; số khung: RLHGM6662JY8921xx; Số máy: 15123339xx của Hoàng Văn C và giao cho bà Nông Đỗ D có trách nhiệm bảo quản. Khi C nộp đủ số tiền bồi thường thì Lệnh kê biên tài sản đối với chiếc xe ô tô trên hết hiệu lực, tài sản thuộc quyền sở hữu của Hoàng Văn C và vợ là Nông Đỗ D mà không cần phải có quyết định hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản.

Xác nhận toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo Biên bản giao nhận vật chứng số 147 ngày 01-9-2021.

4. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Hoàng Văn C, Phương Văn T, Phùng Danh A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi người 200.000 đồng; Hoàng Văn C phải chịu thêm án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.715.000 đồng; Phùng Danh A phải chịu thêm án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 386.625 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo Hoàng Văn C, Phương Văn T, Phùng Danh A có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần Bản án sơ thẩm trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần Bản án sơ thẩm trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan điều tra;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Sở Tư pháp CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THADS tỉnh CB;
- Trại tạm giam;
- Các bị cáo;
- Người liên quan;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mã Văn Quân